

SCIC Chi nhánh phía Nam
ĐẾN 02-04-2015
Số CV đến: 1095

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ
CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Xây Dựng Và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty CP Xây Dựng Và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương là một Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700149145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 14 tháng 04 năm 2006 (thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 06 năm 2014)

Vốn điều lệ 54.000.000.000 đồng

Vốn thực góp 54.000.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0650 382 1983

Fax: 0650 382 1983

Email: ccbd91@yahoo.com.vn

Mã số thuế: 3700149145

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bao gồm:

- Ông Nguyễn Tấn Đạt
- Ông Lê Hữu Nghĩa
- Ông Trần Danh
- Ông Trần Thiện Thế
- Ông Nguyễn Văn Tài

Chức vụ

- Chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

- Ông Trần Danh
- Ông Lê Hữu Nghĩa
- Bà Đồng Thị Ngân Thương

Chức vụ

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất. Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh bia, nước ngọt, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ. Dịch vụ karaoke, cho thuê xe du lịch. Khai thác khoáng sản. Thu gom, xử lý rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp. Thu gom, xử lý rác vệ sinh khu công nghiệp. Chế biến phân hữu cơ từ nguyên liệu rác thải. Xây dựng, duy tu hệ thống đèn chiếu sáng công cộng. Trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh thuộc các công trình công cộng. Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh. Quản lý nghĩa trang Quảng Đông TX. Thuận An và nghĩa trang Triều Châu TX. Dĩ An. Dịch vụ cho thuê nhà cho người có thu nhập thấp. Cung cấp nước sạch ở TX. Thuận An và Dĩ An. Dịch vụ mai táng và hỏa táng. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh bất động sản. May trang phục (không hoạt động tại trụ sở).

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

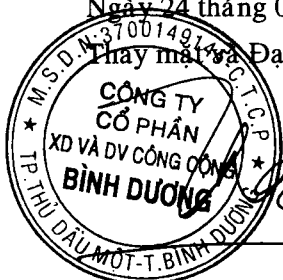
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 24 tháng 03 năm 2015

Tray mặt và Đại diện Ban Tổng Giám đốc



Trần Danh

Tổng Giám đốc



Số 021/2015/HĐKT-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Xây Dựng Và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương, được lập ngày 24/03/2015, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Xây Dựng Và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc



NGUYỄN THÀNH ĐỨC

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2013-196-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2013-196-1

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.736.239.075	18.014.825.496
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.468.874.772	9.991.355.840
Tiền	111	V.01	9.468.874.772	9.991.355.840
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu	130		5.311.863.589	4.398.658.137
Phải thu của khách hàng	131	V.02	3.406.915.494	2.225.748.284
Trả trước cho người bán	132	V.03	1.898.241.237	2.160.393.096
Các khoản phải thu khác	135	V.04	59.604.958	68.464.857
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.05	(52.898.100)	(55.948.100)
Hàng tồn kho	140		6.459.360.714	3.519.415.519
Hàng tồn kho	141	V.06	6.459.360.714	3.519.415.519
Tài sản ngắn hạn khác	150		496.140.000	105.396.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	15.000.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	481.140.000	105.396.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.029.940.154	93.873.393.481
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		19.365.227.620	20.363.269.481
TSCĐ hữu hình	221	V.09	11.206.361.388	11.771.316.025
Nguyên giá	222		27.779.098.845	27.250.098.845
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.572.737.457)	(15.478.782.820)
TSCĐ vô hình	227	V.10	7.992.294.082	8.450.598.586
Nguyên giá	228		10.078.231.700	10.078.231.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.085.937.618)	(1.627.633.114)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	166.572.150	141.354.870
Bất động sản đầu tư	240		18.252.940.200	21.069.865.000
Nguyên giá	241	V.12	18.252.940.200	21.069.865.000
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		62.673.510.000	51.135.510.000
Đầu tư vào công ty con	251	V.13	59.906.000.000	47.206.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	3.022.510.000	4.154.510.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(255.000.000)	(225.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		1.738.262.334	1.304.749.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	75.443.334	-
Tài sản dài hạn khác	268	V.17	1.662.819.000	1.304.749.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		123.766.179.229	111.888.218.977

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

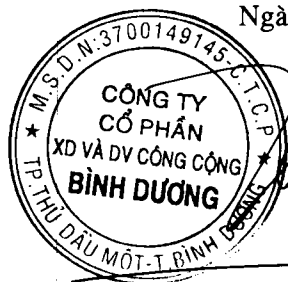
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		35.405.164.071	36.423.516.057
Nợ ngắn hạn	310		11.398.479.441	14.757.131.925
Phải trả cho người bán	312	V.18	334.499.408	164.780.120
Người mua trả tiền trước	313	V.19	457.280.500	7.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	1.233.721.590	1.533.480.774
Phải trả công nhân viên	315	V.21	1.326.449.508	2.372.442.639
Chi phí phải trả	316	V.22	667.375.000	550.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.23	7.317.016.863	9.413.963.820
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	62.136.572	715.464.572
Nợ dài hạn	330		24.006.684.630	21.666.384.132
Phải trả dài hạn khác	333	V.25	176.243.400	175.403.400
Vay và nợ dài hạn	334	V.26	20.000.000.000	20.000.000.000
Doanh thu chưa thực hiện	338	V.27	3.830.441.230	1.490.980.732
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		88.361.015.158	75.464.702.920
Vốn chủ sở hữu	410	V.28	88.360.081.961	75.478.994.102
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.000.000.000	45.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		9.063.312.320	9.063.312.320
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.516.360.780	4.516.360.780
Lợi nhuận chưa phân phối	420		20.780.408.861	16.899.321.002
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		933.197	(14.291.182)
Nguồn kinh phí	432		933.197	(14.291.182)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		123.766.179.229	111.888.218.977

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 24 tháng 03 năm 2015



Đồng Thị Ngân Thương
Kế toán trưởng



Trần Danh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam


KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	251.538.294.532	203.656.821.331
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		251.538.294.532	203.656.821.331
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	226.928.489.313	179.218.156.742
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.609.805.219	24.438.664.589
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.326.710.890	1.807.068.261
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.557.776.370	1.474.000.000
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		515.261.250	391.000.000
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	2.875.024.621	2.606.930.594
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	5.296.812.806	6.087.193.688
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.206.902.312	16.077.608.568
11. Thu nhập khác	31	VI.07	936.363.491	331.612.731
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		936.363.491	331.612.731
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.143.265.803	16.409.221.299
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	3.135.922.736	3.594.119.529
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.007.343.067	12.815.101.770
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.409	2.848

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 24 tháng 03 năm 2015


 Đồng Thị Ngân Thương
 Kế toán trưởng



Trần Danh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ THUYẾT SỐ MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	16.143.265.803	16.409.221.299
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.552.259.141	1.426.228.547
- Các khoản dự phòng	03	26.950.000	(215.001.900)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.326.710.890)	(1.807.068.261)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	16.395.764.054	15.813.379.685
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.285.899.452)	(1.193.306.260)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.939.945.195)	(506.356.686)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải	11	(4.154.274.722)	6.139.243.830
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(90.443.334)	373.784.616
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(358.070.000)	(254.100.000)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(9.111.030.829)	(10.525.162.870)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.543.899.478)	9.847.482.315
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	2.262.707.520	725.156.610
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.700.000.000)	(27.701.050.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.132.000.000	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.326.710.890	1.807.068.261
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.978.581.590)	(25.168.825.129)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	9.000.000.000	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	20.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40	9.000.000.000	20.000.000.000

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

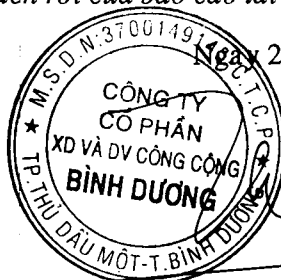
CHỈ TIÊU	MÃ THUYẾT SỐ MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(522.481.068)	4.678.657.186
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.991.355.840	5.312.698.654
Tiền tồn cuối kỳ	70	9.468.874.772	9.991.355.840

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 24 tháng 03 năm 2015

Đồng Thị Ngân Thương

Kế toán trưởng



Trần Danh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Xây Dựng Và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương là một Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700149145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 14 tháng 04 năm 2006 (thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 06 năm 2014)

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

- Vốn điều lệ đăng ký: 54.000.000.000 VND
- Vốn thực góp: 54.000.000.000 VND

Chi tiết bao gồm:

Tên các cổ đông	Vốn điều lệ	%	Vốn đã góp vào công ty	%
- Tổng công ty Đầu Tư & KD Vốn Nhà Nước (SCIC)	16.200.000.000	30%	16.200.000.000	30%
- Ông Trần Danh	8.905.990.000	16%	8.905.990.000	16%
- Ông Lê Hữu Nghĩa	5.781.060.000	11%	5.781.060.000	11%
- Các cổ đông khác	23.112.950.000	43%	23.112.950.000	43%
Tổng Cộng	54.000.000.000		54.000.000.000	

Công ty có trụ sở đặt tại: Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Công ty có các chi nhánh trực thuộc

- Nhà nghỉ Hương Tràm 1: Số 87A Đường ĐT745, Khu Phố Đông Tư, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;
- Khách sạn Hương Tràm 2: Lô C5, Hoàng Văn Thụ, Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương;
- Nghĩa Trang Lái Thiêu: 2C/2D Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hoà, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;
- Nghĩa Trang Dĩ An: Khu phố Tân An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;
- Cửa Hàng Tự Lực: Số 2C/2E Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hoà, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;
- Trạm Bơm Nước Lái Thiêu: Số 1A Phan Đình Phùng, Khu phố chợ, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;
- Trạm Bơm Nước Dĩ An: 19/22 Đường Trần Hưng Đạo, khu phố Bình Minh 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;
- Cửa hàng Tự Lực Tân Uyên: Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01, tổ 1, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương;

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

- Nhà nghỉ Hương Tràm 3: Số 133/1A Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;

- Khách sạn Hương Tràm 4: Phường Tân Định, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất. Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh bia, nước ngọt, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ. Dịch vụ karaoke, cho thuê xe du lịch. Khai thác khoáng sản. Thu gom, xử lý rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp. Thu gom, xử lý rác vệ sinh khu công nghiệp. Chế biến phân hữu cơ từ nguyên liệu rác thải. Xây dựng, duy tu hệ thống đèn chiếu sáng công cộng. Trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh thuộc các công trình công cộng. Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh. Quản lý nghĩa trang Quảng Đông TX. Thuận An và nghĩa trang Triều Châu TX. Dĩ An. Dịch vụ cho thuê nhà cho người có thu nhập thấp. Cung cấp nước sạch ở TX. Thuận An và Dĩ An. Dịch vụ mai táng và hỏa táng. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh bất động sản. May trang phục (không hoạt động tại trụ sở).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Nhật ký chung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được;

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Nhập trước xuất trước

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng;

Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ;

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

b. TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình là giá trị quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Bình Dương không có thời hạn. Quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá gốc và không tính hao mòn bắt đầu từ năm 2008.

5. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, chi phí gắn liền với đất hoặc nhà, hoặc một phần của nhà, hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá hoặc cả hai mà không phải để: i) sử dụng trong quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm/dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc (ii) bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường;

Bất động sản đầu tư phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu;

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư khi các chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư hiện tại;

Bất động sản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ đi số khấu hao lũy kế.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:

Áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của doanh nghiệp.

Loại Bất động sản	Năm
Quyền sử dụng đất	10 - 20
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 06
Bất động sản khác	05 - 07

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

a. Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền quản lý được xác định theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận tích lũy thuần của các công ty con sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Các khoản phân phối lợi nhuận nhận được cao hơn số lợi nhuận này được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

b. Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc;

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Các khoản phân phối lợi nhuận nhận được cao hơn số lợi nhuận này được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá gốc đầu tư.

c. Đầu tư vào công ty liên doanh

Phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc, theo đó tỷ lệ của Công ty trong phần lãi, lỗ của liên doanh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được trình bày trên bảng cân đối kế toán với giá trị phản ánh phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của liên doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trễ khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh;

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá;

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phạt trễ được vốn hoá trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phạt trễ trong kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

9 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	1.659.446.374	1.403.432.404
<i>Tiền mặt tại Văn phòng công ty</i>	333.165.633	566.672.358
<i>Tiền mặt tại Cửa hàng Tự Lực</i>	814.987.351	717.232.254
<i>Tiền mặt tại Căn tin Hương Tràm 1</i>	2.936.159	2.466.159
<i>Tiền mặt tại Căn tin Hương Tràm 2</i>	4.550.859	2.056.916
<i>Tiền mặt tại Căn tin Hương Tràm 4</i>	4.369.769	12.959.739
<i>Tiền mặt tại CHTL Tân Uyên</i>	499.436.603	102.044.978
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	7.809.428.398	8.587.923.436
- <i>Tiền gửi Ngân hàng tại văn phòng công ty</i>	7.652.278.916	7.571.897.869
- <i>Tiền gửi Ngân hàng tại Cửa hàng Tự Lực</i>	6.735.267	895.750.970
- <i>Tiền gửi Ngân hàng tại CHTL Tân Uyên</i>	118.446.147	120.274.597
- <i>Tiền gửi Ngân hàng (lưu ký chứng khoán)</i>	31.968.068	-
Tổng cộng	9.468.874.772	9.991.355.840
2. Phải thu khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
- Nước Lái Thiêu	7.584.399	7.614.699
- Nước Dĩ An	-	2.482.015
- Cửa hàng Tự Lực	1.742.233.100	1.484.912.757
- Công ty TNHH TM XNK may Tân Thiên Mã	212.565.292	212.565.292
- Khách sạn Hương Tràm 2	32.078.000	32.078.000
- CHTL Tân Uyên	784.403.000	425.557.000
- Cơ sở Mai Táng	55.538.521	55.538.521
- Đỗ Thanh Phong	15.825.000	5.000.000
- Công ty Thiết bị Công nghiệp Việt - HT	533.120.000	-
- Các khách hàng chăm sóc mộ Nghĩa Trang Dĩ An	23.568.182	-
Tổng cộng	3.406.915.494	2.225.748.284

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

3. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty CP Tư vấn & XD Tổng hợp Bình Dương	67.500.000	67.500.000
- Nguyễn Văn Nghĩa	20.000.000	20.000.000
- Công ty TNHH Kiểm Toán Thái Bình Dương	16.500.000	13.750.000
- Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Việt	66.000.000	66.000.000
- Đỗ Ngọc Trúc	300.000.000	-
- Lê Minh Tâm	50.000.000	-
- Công ty TNHH TMDV Triệu Quang	11.253.000	-
- Cửa hàng Tự Lực (*)	1.311.022.572	1.539.291.371
- Cửa hàng Tân Uyên (**)	55.965.665	453.851.725
Tổng cộng	1.898.241.237	2.160.393.096

Chi tiết công nợ của các Cửa hàng trực thuộc Chi nhánh Công ty bao gồm các nhà cung cấp tại ngày 31/12/2014 như sau:

(*) Cửa hàng Tự Lực	1.311.022.572
+ Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam	1.000.769.961
+ Công ty TNHH MTV Đồng Hiệp Lợi	310.252.611
(**) Cửa hàng Tân Uyên	55.965.665
+ Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam	9.718.847
+ Công ty TNHH MTV Đồng Hiệp Lợi	46.026.818
+ Tự lực Thuận An	220.000

4. Các khoản phải thu khác	Cuối năm	Đầu năm
- Ông Phạm Hoài Nam	1.916.857	1.916.857
- Phan Thanh Giảng	32.838.101	-
- Đất Bình chuẩn	1.850.000	1.850.000
- Trần Đại Nghĩa	23.000.000	64.698.000
Tổng cộng	59.604.958	68.464.857

5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	Cuối năm	Đầu năm
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(52.898.100)	(55.948.100)
Tổng cộng	(52.898.100)	(55.948.100)

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

6. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	139.400.305	136.855.944
Công cụ, dụng cụ	171.752.000	131.840.000
Hàng hoá	6.103.606.345	3.243.784.157
Hàng gửi đi bán	44.602.064	6.935.418
Cộng giá gốc hàng tồn kho	6.459.360.714	3.519.415.519
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	6.459.360.714	3.519.415.519
7. Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
- Số dư đầu năm	-	373.784.616
- Phát sinh trong năm	194.683.363	209.666.058
- Phân bổ trong năm	179.683.363	583.450.674
- Số dư cuối năm	15.000.000	-
8. Tài sản ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
- Các khoản tạm ứng		
Cửa hàng Tân Uyên	500.000	9.356.000
Nguyễn Tấn Đạt	40.000.000	40.000.000
- Ký quỹ, ký cược (*)	440.640.000	56.040.000
Tổng cộng	481.140.000	105.396.000
(*) Ký quỹ, ký cược tại các Cửa hàng trực thuộc Chi nhánh Công ty bao gồm:		
+ Cửa hàng Tự Lực	408.600.000	24.000.000
+ Cửa hàng Tân Uyên	32.040.000	32.040.000

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	16.735.979.860			16.735.979.860
Máy móc thiết bị	5.713.806.562	190.000.000	75.000.000	5.828.806.562
PTVT, truyền dẫn	4.800.312.423	414.000.000		5.214.312.423
Tổng	27.250.098.845	604.000.000	75.000.000	27.779.098.845

Khấu hao lũy kế

Nhà cửa, vật kiến trúc	6.793.848.547	595.172.016		7.389.020.563
Máy móc thiết bị	5.616.747.805	47.081.189	75.000.000	5.588.828.994
PTVT, truyền dẫn	3.068.186.468	526.701.432		3.594.887.900
Tổng	15.478.782.820	1.168.954.637	75.000.000	16.572.737.457

Giá trị còn lại

Nhà cửa, vật kiến trúc	9.942.131.313			9.346.959.297
Máy móc thiết bị	97.058.757			239.977.568
PTVT, truyền dẫn	1.732.125.955			1.619.424.523
Tổng	11.771.316.025	-	-	11.206.361.388

10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Quyền sử dụng đất	10.078.231.700		-	10.078.231.700
Tổng	10.078.231.700	-	-	10.078.231.700

Khấu hao lũy kế

Quyền sử dụng đất	1.627.633.114	458.304.504	-	2.085.937.618
Tổng	1.627.633.114	458.304.504	-	2.085.937.618

Giá trị còn lại

Quyền sử dụng đất	8.450.598.586			7.992.294.082
Tổng	8.450.598.586	-	-	7.992.294.082

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Xây dựng tường rào - Nguyễn Văn Nghĩa	166.572.150	141.354.870
Tổng cộng	166.572.150	141.354.870

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

12. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Quyền sử dụng đất (*)	21.069.865.000		2.816.924.800	18.252.940.200
Tổng	21.069.865.000	-	2.816.924.800	18.252.940.200

Khấu hao lũy kế

Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Tổng	-	-	-	-

Giá trị còn lại

Quyền sử dụng đất	21.069.865.000			18.252.940.200
Tổng	21.069.865.000			18.252.940.200

Quyền sử dụng đất bao gồm:

Thửa đất	Người đứng tên	Số tiền	Thời gian sử dụng
QSD đất Bình Chuẩn	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	421.653.000	Từ 14/04/08 đến 14/02/57
QSD đất tại Thị Trấn An Thạnh (*)	Lê Hữu Nghĩa	3.821.260.000	Đến 12/2023
QSD đất Mỹ Phước 3 (**)	Trần Danh, Nguyễn Tấn	542.700.000	Không thời hạn
QSD đất Thạnh Bình (***)	Lê Hữu Nghĩa	1.061.820.000	Từ 04/12/09 đến 03/05/20
QSD đất KDC Chánh Nghĩa (E5-Ô14,15,16)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	4.592.000.000	Không thời hạn
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô67)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	2.486.707.200	Không thời hạn
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô7)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	1.793.600.000	Không thời hạn
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô8)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	1.739.600.000	Không thời hạn
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô9)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	1.793.600.000	Không thời hạn
Tổng cộng		18.252.940.200	

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Ông Lê Hữu Nghĩa được ủy quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thị Trấn An (*). Thanh theo Giấy Ủy quyền số 07/TGD-UQ ngày 28/01/2008 với thời hạn ủy quyền khi công ty có nhu cầu thu hồi.

Ông Nguyễn Tấn Đạt được ủy quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KDC Mỹ (**). Phước 3 theo Giấy Ủy quyền số 49/TGD-UQ ngày 27/06/2008 với thời hạn ủy quyền khi công ty có nhu cầu thu hồi.

Ông Lê Hữu Nghĩa được ủy quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thạnh Bình (***) theo Giấy Ủy quyền số 298A/TGD-UQ ngày 20/10/2009 với thời hạn ủy quyền khi công ty có nhu cầu thu hồi.

13. Đầu tư vào công ty con	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Đầu Tư Hoa Viên - Nghĩa Trang- Long Xuyên	59.906.000.000	47.206.000.000
Tổng cộng	59.906.000.000	47.206.000.000,00

14. Đầu tư dài hạn khác	Số lượng CP	Cuối năm	Đầu năm
Công ty XD Giao Thông Thủy Lợi BD	15.100	152.510.000	152.510.000
Công ty CP Chứng Khoán Đệ Nhất	30.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty CP Gạch Ngói Cao Cấp M & C	44.000	500.000.000	1.632.000.000
Công ty CP Khoáng sản Becamex	50.000	570.000.000	570.000.000
Tổng cộng		3.022.510.000	4.154.510.000

Giá trị đầu tư dài hạn là các cổ phiếu dài hạn

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
- DP giảm giá cổ phiếu Công ty CP Khoáng sản Becamex	(255.000.000)	(225.000.000)
Tổng cộng	(255.000.000)	(225.000.000)

16. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	113.165.002	-
Đã kết chuyển vào CP SXKD trong năm	37.721.668	-
Số dư cuối năm	75.443.334	-

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

17. Tài sản dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		
+ Cửa hàng Tự Lực (*)	1.595.239.000	1.255.829.000
+ CHTL Tân Uyên (**)	49.580.000	30.920.000
+ Phan Thị Bạch Tuyết	18.000.000	18.000.000
Tổng cộng	1.662.819.000	1.304.749.000
<p>(*+**) là các khoản tiền đặt cọc vỏ chai cho Công ty TNHH Bia và Nước Giải Khát Việt Nam với số tiền 1.643.199.000 đồng. Trong đó, tại Cửa hàng Tự Lực số tiền 1.595.239.000 đồng và Cửa hàng Tự lực Tân Uyên số tiền: 47.960.000 đồng.</p>		
18. Phải trả người bán	Cuối năm	Đầu năm
- Nghĩa Trang Dĩ An	33.000.000	104.638.950
- Nghĩa Trang Lái Thiêu	70.341.786	28.776.520
- Cty TNHH MTV Thương mại Sắt thép Lộc Phước An	25.217.280	-
- Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Việt - HT	62.182.800	31.364.650
- Cửa hàng tự lực Tân Uyên	143.757.542	-
Tổng cộng	334.499.408	164.780.120
19. Người mua trả tiền trước	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền Thiết kế sửa chữa nhà phố	7.000.000	7.000.000
- Ứng trước các khách hàng Cửa hàng Tự Lực	450.280.500	-
Tổng cộng	457.280.500	7.000.000
20. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	136.964.856	206.630.468
Thuế thu nhập doanh nghiệp	593.306.871	715.373.101
Thuế thu nhập cá nhân	331.411.296	208.314.303
Thuế tài nguyên	872.280	977.040
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	170.352.811
Các loại thuế khác	22.563.687	22.530.451
Các khoản phí, lệ phí	148.602.600	209.302.600
Tổng cộng	1.233.721.590	1.533.480.774

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được cơ quan thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

21. Phải trả công nhân viên	Cuối năm	Đầu năm
- Phải trả công nhân viên	1.326.449.508	2.372.442.639
Tổng cộng	1.326.449.508	2.372.442.639
22. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí phải trả (*)	667.375.000	550.000.000
Tổng cộng	667.375.000	550.000.000,00
<p>(*) Là khoản lãi trái phiếu phải trả cho các trái chủ với tổng mệnh giá là 20.000.000.000 đồng, lãi suất trái phiếu thả nổi và được xác định bằng lãi suất huy động bằng Đồng Việt Nam tiền gửi bình quân 12 tháng của 03 Ngân hàng là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) cộng thêm 3%. Kỳ hạn trả lãi: cuối mỗi 06 tháng trả một lần.</p>		
23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn	-	21.565.260
- Bảo hiểm Xã Hội	-	1.103.505
- Bảo hiểm y tế	-	256.164
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (Cửa hàng tự Lực)	280.715.800	176.439.800
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (CHTL Tân Uyên)	69.024.000	34.495.000
- Phải trả Cửa hàng Tự Lực	200.777.063	159.500.741
- Bảo hiểm Xã hội nghỉ dưỡng, thai sản	16.500.000	16.500.000
- Cửa hàng TL Tân Uyên	-	1.928.000
- Cty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Việt - HT	-	52.175.350
- Nguyễn Thị Liễu - mua đất TP mới BD	-	2.200.000.000
- Cổ tức phải trả cho cổ đông	6.750.000.000	6.750.000.000
Tổng cộng	7.317.016.863	9.413.963.820
24. Quỹ khen thưởng phúc lợi	Cuối năm	Đầu năm
- Số dư đầu năm	715.464.572	1.379.923.081
Tăng trong năm	112.454.128	1.479.521.737
Giảm trong năm	765.782.128	2.143.980.246
- Số dư cuối năm	62.136.572	715.464.572

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

25. Phải trả dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
- Nhận ký quỹ dài hạn	176.243.400	175.403.400
Tổng cộng	176.243.400	175.403.400
Chủ yếu bao gồm:		
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển CN Thuận An - Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/HĐ.CT ngày 14/6/2007	66.000.000	66.000.000
- Công ty TNHH May TM -XNK Tân Thiên Mã - Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐ.CT ngày 14/6/2007	16.778.400	16.778.400
- Nguyễn Đức Dân	21.000.000	21.000.000
- Phạm Ngọc Đức	12.000.000	12.000.000
- Các khoản thế chấp thuê đất	60.465.000	59.625.000

26. Vay và nợ dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
- Vay và nợ dài hạn (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

(*) Là khoản nợ phát hành trái phiếu theo Hợp đồng tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu riêng lẻ số : 07/2013/H ĐTV/PH-BLPH ngày 23 tháng 08 năm 2013 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất với nội dung như sau:

Tên trái phiếu: Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

Loại trái phiếu: Trái phiếu phát hành riêng lẻ

Mã trái phiếu: BPS-B2013

Hình thức trái phiếu: Chứng chỉ vật chất

Lãi suất trái phiếu: lãi suất trái phiếu thả nổi và được xác định bằng lãi suất huy động bằng Đồng Việt Nam tiền gửi bình quân 12 tháng của 03 Ngân hàng là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) cộng thêm 3%.

Kỳ hạn trả lãi: 06 tháng trả một lần

Mệnh giá trái phiếu: 500.000.000 đồng/01 trái phiếu

Tổng số phiếu chào bán: 40 trái phiếu

Tổng giá trị trái phiếu chào bán: 20.000.000.000 đồng

Kỳ hạn trái phiếu: 05 năm

Thời điểm phát hành: Quý III/2013

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

27. Doanh thu chưa thực hiện	Cuối năm	Đầu năm
- Doanh thu nhận trước: Chăm sóc mộ Lái Thiêu	3.151.142.138	1.448.253.460
- Doanh thu nhận trước: MB HT2_Vietnammobile	34.545.456	36.363.636
- Doanh thu nhận trước: MB xay bột đất_NTLTB	6.783.636	6.363.636
- Doanh thu nhận trước: Chăm sóc mộ Nghĩa trang Dĩ An	637.970.000	-
Tổng cộng	3.830.441.230	1.490.980.732

28. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	16.373.605.459	7.986.526.672	3.829.365.458
Tăng vốn trong năm trước			1.281.510.177	686.995.322
Giảm vốn trong năm trước			204.724.529	
Lãi trong năm trước		12.815.101.770		
Chia cổ tức trong năm trước		2.250.000.000		
Phân phối từ lợi nhuận		3.203.775.443		
Cổ tức phải trả cho cổ đông		6.750.000.000		
Giảm khác trong năm trước		85.610.784		
Số dư cuối năm trước	45.000.000.000	16.899.321.002	9.063.312.320	4.516.360.780
Tăng trong năm nay	9.000.000.000			
Giảm trong năm nay				
Lãi trong năm		13.007.343.067		
Chuyển tăng vốn trong năm		9.000.000.000		
Giảm khác		126.255.208		
Số dư cuối năm nay	54.000.000.000	20.780.408.861	9.063.312.320	4.516.360.780

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn góp của nhà nước	16.200.000.000	30%	13.500.000.000	30%
- Tổng công ty Đầu Tư & KD Vốn Nhà Nước	16.200.000.000		13.500.000.000	
Vốn góp của các đối tượng khác	37.800.000.000	70%	31.500.000.000	70%
- Ông Trần Danh	8.905.990.000	16%	7.230.000.000	16%
- Ông Lê Hữu Nghĩa	5.781.060.000	11%	4.747.550.000	11%
- Các cổ đông khác	23.112.950.000	43%	19.522.450.000	43%

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

	Cuối năm	Đầu năm
c. Quỹ đầu tư phát triển		
- Số dư đầu năm	9.063.312.320	7.986.526.672
Tăng trong năm	-	1.281.510.177
Giảm trong năm	-	204.724.529
- Số dư cuối năm	9.063.312.320	9.063.312.320
d. Quỹ dự phòng tài chính		
- Số dư đầu năm	4.516.360.780	3.829.365.458
Tăng trong năm	-	686.995.322
Giảm trong năm	-	-
- Số dư cuối năm	4.516.360.780	4.516.360.780
e. Nguồn kinh phí sự nghiệp		
- Số dư đầu năm	(14.291.182)	(14.733.569)
Tăng trong năm	177.743.033	151.917.866
Giảm trong năm	162.518.654	151.475.479
- Số dư cuối năm	933.197	(14.291.182)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	251.538.294.532	203.656.821.331
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	251.538.294.532	203.656.821.331
+ Doanh thu Cơ Sở Mai Táng	-	343.435.000
+ Doanh thu xây mộ Nghĩa Trang Lái Thiêu	3.122.040.000	3.371.984.741
+ Doanh thu xây mộ Nghĩa Trang Dĩ An	3.040.700.000	3.682.800.000
+ Doanh thu bán hàng Cửa hàng Tự Lực	180.298.157.727	140.268.405.767
+ Doanh thu bán hàng CHTL Tân Uyên	30.302.956.288	26.377.603.014
+ Doanh thu bán hàng khác	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.702.745.980	28.046.842.024
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	5.071.694.537	821.454.781
Doanh thu khác	-	744.296.004
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	251.538.294.532	203.656.821.331

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn bán hàng Cơ Sở Mai Táng		327.049.000
Giá vốn xây mộ Nghĩa Trang Lái Thiêu	2.130.623.837	1.526.505.249
Giá vốn xây mộ Nghĩa Trang Dĩ An	1.807.562.332	2.025.619.482
Giá vốn bán hàng Cửa hàng Tự Lực	177.789.366.319	137.518.526.550
Giá vốn bán hàng CHTL Tân Uyên	29.872.414.201	25.903.997.379
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.328.522.624	11.916.459.082
Tổng cộng	226.928.489.313	179.218.156.742
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	76.587.390	104.216.261
Cổ tức, lợi nhuận được chia	273.123.500	190.110.000
Doanh thu bán cổ phiếu	977.000.000	1.512.742.000
Tổng cộng	1.326.710.890	1.807.068.261
4. Chi phí tài chính		
Dự phòng giảm giá đầu tư	30.000.000	145.000.000
Lãi trái phiếu	1.921.700.000	550.000.000
Chi phí giá vốn cổ phiếu	-	629.200.000
Hoàn nhập dự phòng cổ phiếu	-	(241.200.000)
Chi phí lãi vay	515.261.250	391.000.000
Hoa hồng bán đất	86.600.000	-
Chi phí tài chính khác	4.215.120	-
Tổng cộng	2.557.776.370	1.474.000.000
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	1.609.157.978	1.385.456.937
Chi phí khấu hao tài sản cố định	245.567.364	224.953.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.496.405	54.166.682
Chi phí bằng tiền khác	979.802.874	942.353.430
Tổng cộng	2.875.024.621	2.606.930.594

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

	Năm nay	Năm trước
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	3.533.948.733	2.861.242.552
Chi phí vật liệu quản lý	57.332.515	41.991.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	233.652.432	325.962.778
Thuế, phí và lệ phí	87.732.364	175.745.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.885.643	47.870.359
Chi phí bằng tiền khác	1.331.261.119	2.634.380.713
Tổng cộng	5.296.812.806	6.087.193.688
7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	936.363.491	331.612.731
Tổng cộng	936.363.491	331.612.731
8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.143.265.803	16.409.221.299
Cộng các khoản chi phí không được trừ	633.193.491	583.529.384
Thu nhập không chịu thuế tính thuế	273.123.500	190.110.000
Thu nhập tính thuế	16.503.335.794	16.802.640.683
- Thu nhập tính thuế 10%	4.123.426.165	4.043.604.285
- Thu nhập tính thuế 22%	12.379.909.629	12.759.036.398
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.135.922.736	3.594.119.529

VII. Những thông tin khác**1. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2014**

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2014 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

2. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu

Năm nay

Năm trước

1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn

1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)

- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản

82,44%

83,90%

- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản

17,56%

16,10%

1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)

- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn

28,61%

32,55%

- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn

71,39%

67,45%

2. Khả năng thanh toán

2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)

1,91

1,22

2.2 Khả năng thanh toán bằng tiền (lần)

0,83

0,68

2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)

1,34

0,98

3. Tỷ suất sinh lời

3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần

6,42%

8,06%

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần

5,17%

6,29%

3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản

13,04%

14,67%

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản

10,51%

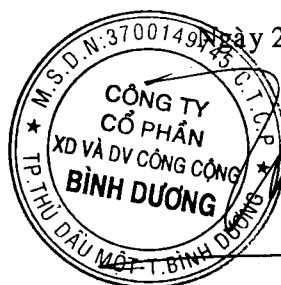
11,45%

3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu

14,72%

16,98%

Đồng Thị Ngân Thương
Kế toán trưởng



Ngày 24 tháng 03 năm 2015

Trần Danh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HOA VIÊN - NGHĨA TRANG LONG XUYÊN

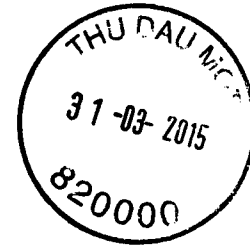
ĐC xuất hóa đơn: Khóm Tây Huệ 1 - Phường Mỹ Hòa - TP. Long Xuyên - Tỉnh An Giang

ĐC giao dịch: 91 Thích Quảng Đức - P.Phú Hòa - TX. Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương

Tel - Fax: 0650.3821983



Họ tên, địa chỉ người nhận/Full name, address of receiver:



1/1b 28'

Kính gửi: Anh Cường - Chi nhánh phía Nam SCIC
16 Trưng Bội, phường 6, quận 3, TP Hồ Chí Minh